

Bản án số: 115/2025/DS-PT

Ngày 28/5/2025

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2024/DSPT ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 161A/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 211/2025/QĐPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Bùi T - Sinh năm: 1960 - Địa chỉ: Số 869 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi T: Bà Nguyễn Thị Bích D - Sinh năm: 1997 - Địa chỉ: 71 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Theo giấy ủy quyền ngày 11/11/2020*). (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi T*: Ông Lê Thanh L - sinh năm 1984 - Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn*:

1. Ông Bùi Xuân H - Sinh năm: 1946 - Địa chỉ: Số 7, ngõ 73 đường N, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Xuân H: Ông Phạm Văn V - Sinh năm: 1999 và bà Đỗ Thùy Trâm A - Sinh năm: 1999 - Cùng địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà T - số 87 đường N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt, ngày 28/5/2025 ông V vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Xuân H:* Bà Trần Thị H1 và bà Phạm Thị Th - Luật sư của Công ty Luật hợp danh FDVN. (Bà Th có mặt).

2. Ông Bùi Thành T1 - Sinh năm: 1957 - Địa chỉ: Số 464 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị H2 - Sinh năm: 1945 - Địa chỉ: Tổ 2, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị T2 - Sinh năm: 1950 - Địa chỉ: Tổ 75 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

3. Ông Bùi N - Sinh năm: 1963 - Địa chỉ: Tổ 25 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi N: Bà Phạm Thị Thanh C - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: K75/16C đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

4. Bà Phạm Thị C1 - Sinh năm 1954 - Địa chỉ: Tổ 22 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng - Là vợ của ông Bùi Văn C3. (Đã chết).

5. Bà Nguyễn Thị N1 - Sinh năm 1961 - Địa chỉ: Số 869 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Là vợ của ông Bùi T).

6. Bà Bùi Thị L1 (Bùi Thị L1) - Sinh năm: 1938 (Chết tháng 8/2020); có chồng là ông Phạm Tấn Đ - Sinh năm: 1938 (chết năm 2009) hàng thừa kế thế vị của Bà Bùi Thị L1 (Bùi Thị L1) gồm:

6.1. Bà Phạm Thị É - Sinh năm: 1960 - Địa chỉ: Tổ 30 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6.2. Bà Phạm Thị A1 - Sinh năm: 1962 - Địa chỉ: Tổ 27 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6.3. Ông Phạm Tấn Tr - Sinh năm: 1964 - Địa chỉ: Tổ 26 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6.4. Ông Phạm Tấn D1 - Sinh năm: 1968 - Địa chỉ: Tổ 8 thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6.5. Ông Phạm Tấn T3 - Sinh năm: 1970 - Địa chỉ: Tổ 27 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Bùi Xuân H, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ ông Bùi T là cụ Bùi Văn C2 (tên gọi khác là Bùi C2), sinh năm 1918 (chết năm 1993) và cụ Phạm Thị D2 (tên gọi khác là Phạm Thị T4), sinh năm 1919 (chết năm 20020).

Ông bà nội ông Bùi T là ông Bùi Văn K (Sinh năm 1885, chết năm 1965) và bà Phạm Thị L2 (Sinh năm 1891, chết năm 1973). Ông bà ngoại ông T là ông Phạm Hữu K1 (Sinh năm 1900, chết năm 1977) và bà Nguyễn Thị T5 (Sinh năm 1904, chết năm 1981).

Cụ Bùi Văn C2 và cụ Phạm Thị D2 sinh được 09 (chín) người con chung gồm:

1. Bà Bùi Thị L1 (tên gọi khác là Bùi Thị L1) - Sinh năm: 1938; (Chết tháng 8/2020);

2. Ông Bùi Văn L2 (sinh năm: 1940, chết năm: 1970); Ông L2 có một người con duy nhất là ông Bùi N - Sinh năm: 1963;

3. Bà Bùi Thị H2 - Sinh năm: 1945;

4. Ông Bùi Xuân H - Sinh năm: 1946;

5. Bà Bùi Thị C3 (sinh năm: 1949, chết năm: 1974): Không có chồng con.

6. Bà Bùi Thị T2 - Sinh năm: 1950;

7. Ông Bùi Văn C4 (đã chết trước năm 1975): Không có vợ con.

8. Ông Bùi Thành T1 - Sinh năm: 1957;

9. Ông Bùi T (tên gọi khác là Bùi Văn T) - Sinh năm: 1960;

Ngoài ra cụ Bùi Văn C2 và cụ Phạm Thị D2 không có nuôi hay con riêng nào khác.

Tháng 8/2020 bà Bùi Thị L1 (tên gọi khác là Bùi Thị L1) chết. Bà Loan có chồng đã chết và 05 người con chung là:

1. Bà Phạm Thị É - Sinh năm: 1960;

2. Bà Phạm Thị A1 - Sinh năm: 1962;

3. Ông Phạm Tấn Tr - Sinh năm: 1964;

4. Ông Phạm Tấn D1 - Sinh năm: 1968;

5. Ông Phạm Tấn T3 - Sinh năm: 1970;

Ngoài ra bà L1 và chồng không có nuôi hay con riêng nào khác.

Nguyên trước đây, gia đình ông T có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 06/12/1996, gia đình ông T được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 242038, đứng tên hộ bà Phạm Thị D2 đối với nhà và đất thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.181m², loại đất thổ cư, địa chỉ: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, nay là số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 03021). Tại thời điểm này, trong hộ gia đình gồm có 03 người là bà Phạm Thị D2, ông Bùi N (ông N là con của ông Bùi Văn L2) và ông Bùi T, các anh chị em còn lại của ông T đều đã lập gia đình và sinh sống ở nơi khác.

Năm 2002, bà D2 chết, trước khi chết có để lại di chúc nhưng theo ông T là không hợp pháp. Toàn bộ nhà và đất nêu trên do 02 hai anh của ông T là ông Bùi Xuân H và ông Bùi Thành T1 trông coi, quản lý.

Đến năm 2018, Nhà nước có chủ trương giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu tái định cư H (giai đoạn 2) tại phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Theo đó, Nhà nước đã thu hồi của gia đình ông T một phần diện tích đất 70,2m² thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28 trong tổng diện tích 1.181m² (diện tích còn lại của thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28 là 1.110,8m²). Sau đó, Nhà nước đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, đền bù, các anh chị em trong gia đình ông T đã tự phân chia với nhau và không có tranh chấp gì về vấn đề này.

Nay, ông Bùi T cùng anh chị em trong gia đình có nhu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại nhưng các anh của ông T là ông Bùi Xuân H và ông Bùi Thành T1 không đồng ý. Nhận thấy, toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.110,8m², tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, nay là số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó có ông T. Đồng thời, một phần diện tích nhà và đất nêu trên là di sản thừa kế do mẹ ông T là cụ Phạm Thị D2 để lại.

Do đó, ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng giải quyết những vấn đề sau:

1. Chia tài sản chung của hộ gia đình đối với nhà và đất (còn lại sau khi thu hồi một phần) thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.110,8m², loại đất thổ cư, tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, nay là số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, giá trị nhà đất ước tính là 3.000.000.000 đồng. Ông T yêu cầu được nhận 1/3 nhà và đất, tương ứng với 370m², giá trị tài sản ước tính là 1.000.000.000 đồng.

2. Chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị D2 để lại là 1/3 nhà và đất thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 370m², tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà

Năng, nay là số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo phương thức chia đều cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông Bùi T, bà Bùi Thị L1, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H, bà Bùi Thị T2, ông Bùi Thành T1 và ông Bùi N (thừa kế thế vị của ông Bùi Văn L2), giá trị khối di sản ước tính là 1.000.000.000 đồng. Ông T yêu cầu được nhận 52m² trong khối di sản, giá trị ước tính là 133.000.000 đồng.

Sau đó, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và xác định di sản thừa kế của ông C2 bà D2 là toàn bộ nhà và đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 242038, thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.110,8m², tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, nay là số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đồng thời yêu cầu chia theo phương thức chia đều cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và giữ lại một phần diện tích đất làm nhà thờ và lối đi vào nhà thờ, nhưng có tính công sức của vợ chồng ông T khi phân lô. Trong đó đường Đ chia 04 lô cho 04 người con trai, trong đó diện tích đất của ông H và ông T sẽ tăng hơn so với hai lô còn lại, đường bê tông chia làm 03 lô cho 03 người con gái.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Lê Thanh L trình bày:*

Thông nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị Bích D và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi T đối với ông Bùi Thành T1, ông Bùi Xuân H.

** Bị đơn ông Bùi Thành T1 trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, mảnh đất mà các anh em đang tranh chấp là tài sản có từ ông bà Nội, đến đời Ba tôi tiếp quản và hiện nay đang thờ cúng ông bà và Ba mẹ, do vậy tôi đồng ý chia với điều kiện là giữ lại phần nhà thờ và lối đi vào nhà thờ, phần còn lại 07 lô phân chia cho các hàng thừa kế nhưng có tính công sức của vợ chồng ông T, vợ chồng anh H khi phân lô. Trong đó đường Đ chia 04 lô (cho 04 người con trai, trong đó diện tích đất của ông H và ông T nhiều hơn so với hai lô còn lại, phía đường bê tông chia làm 03 lô cho 03 người con gái.

** Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn và theo bản ý kiến của ông Bùi Xuân H trình bày:*

Nguồn gốc thừa đất là của Cha ông để lại cho cụ Bùi C2 và cụ Phạm Thị D2. Sau khi cụ C2 chết, vào ngày 02/6/2001, các anh chị em trong gia đình ông Bùi T đã có biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản theo bản di chúc ngày 09/02/2001 của cụ bà Phạm Thị D2, nên tôi yêu cầu Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật chia tài sản theo bản di chúc ngày 09/02/2001 và biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản ngày 02/6/2001.

Quá trình sử dụng đất, tuy ông H không sống tại Đà Nẵng, nhưng đã cùng với vợ là bà Trần Thị L2 đã bỏ công sức tiền của, chi phí tôn tạo xây dựng nhà từ đường, mồ mả ... do vậy yêu cầu các anh chị em khác trả lại theo thời giá hiện nay hoặc làm theo ý chí của ông H nếu như ông H cho lại các anh chị em của mình.

Ông Bùi Xuân H mong muốn giữ toàn bộ mảnh đất để làm từ đường và ông H là người đứng tên. Trường hợp, ông T và các anh chị em muốn chia thì phải hoàn lại cho ông H tiền chi phí xây dựng, sửa nhà, khuôn viên, tường rào, chi phí di dời, tôn tạo khu nghĩa trang gia đình. Tiếp đó, phần tài sản của cụ bà Phạm Thị D2 chia theo di chúc, phần của cụ ông Bùi Văn C2 chia theo pháp luật.

Nếu các anh chị em muốn nhượng lại phần của mình thì ông H mong muốn mua lại để giữ nhà từ đường của dòng họ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T2, bà Bùi Thị H2 cùng có quan điểm trình bày:*

Cha mẹ tôi là cụ ông Bùi Văn C2 (Bùi C2) và cụ bà Phạm Thị D2 (Phạm Thị T4) có để lại khối di sản thừa kế tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, số 12 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đây là khu đất có ngôi nhà xây dựng từ trước hiện đang thờ cúng Cha mẹ và Ông bà tổ tiên từ bao đời nay. Trước yêu cầu phân chia di sản của các bên thì tôi có ý kiến như sau:

Khi phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thì đề nghị Tòa án có phương án để lại ngôi nhà thờ và phần đất gắn liền để làm nơi thờ tự và phải do tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất cùng đứng tên chung. Theo đó, không ai được quyền tự ý đứng ra mua bán tặng cho hay định đoạt đến phần tài sản thờ cúng này, sau này nếu muốn làm gì thì phải cùng ngôi lại trao đổi và có sự đồng ý của tất cả những người đứng tên.

Phần còn lại, đề nghị Tòa án phân chia bằng hiện vật cho tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất hợp pháp mỗi người 01 lô, không ai tranh giành đến ai, trong đó có tính công sức đóng góp của vợ chồng ông T, vợ chồng ông H trong việc tôn tạo, giữ gìn thửa đất.

Bản thân tôi chỉ có nguyện vọng được nhận 01 lô đất theo mặt đường kiệt bê tông, nhường phần đường Đ cho 04 ông con trai. Tôi không yêu cầu những người khác thối trả phần chênh lệch theo vị trí hay diện tích nếu có tăng thêm từng lô đất được nhận, chỉ mong rằng di sản của cha mẹ được phân chia đầy đủ và anh chị em trong gia đình hòa thuận, cùng nhau lo hương khói cho cha mẹ và ông bà tổ tiên. Trường hợp khi phân chia thì sẽ bị cán phần nhà bếp, chúng tôi sẽ tu bổ hợp lý để lo cho ông bà.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, con của bà Bùi Thị L1 (05 người): Bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3 cùng quan điểm trình bày:*

Hiện nay, đất nhà ngoại tôi thì nhiều, con thì đông, không có điều kiện về chỗ ở, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy chúng tôi thống nhất lời trình bày của Cậu T1, dì H2, dì T2, cho chúng tôi phần của Mẹ (bà L1), để ổn định cuộc sống. Nếu ổn định cuộc sống thì con cháu mới có đủ điều kiện chăm lo cho mồ mả ông bà tổ tiên được tốt hơn.

Chúng tôi thống nhất chia và để lại ngôi nhà thờ và phần đất gắn liền để làm nơi thờ tự và phải do tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất cùng đứng tên chung. Phần còn lại, đề nghị Tòa án phân chia bằng hiện vật cho tất cả những người thuộc hàng thừa kế mỗi người 01 lô, trong đó có tính công sức đóng góp của vợ chồng cậu T, vợ chồng cậu H trong việc tôn tạo, giữ gìn thửa đất.

Chúng tôi đồng ý nhận 01 lô đất hướng đường kiệt bê tông, nhường phần đường Đ cho 04 cậu. Chúng tôi không yêu cầu những người khác thôi trả phần chênh lệch theo vị trí hay diện tích nếu có tăng thêm từng lô đất được nhận, chỉ mong rằng di sản của ông bà Ngoại được phân chia đầy đủ để các Cậu, hòa thuận, cùng nhau lo hương khói cho ông bà tổ tiên. Trường hợp khi phân chia nếu bị ảnh hưởng phần nhà bếp, chúng tôi sẽ tự nguyện tu bổ, sửa chữa cho hợp lý.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 161, 164, 165, 217, 227, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 609, 610, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi T đối với ông Bùi Thành T1, ông Bùi Xuân H về việc tranh chấp “chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

1. Di sản thừa kế của cụ ông Bùi Văn C2 và cụ bà Phạm Thị D2 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.101,6m² tại số 12 đường Đ, tổ 5 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 242038, được UBND huyện H cấp ngày 06/12/1996 đứng tên hộ cụ Phạm Thị D2.

2. Hàng thừa kế của ông Bùi C2 và bà Phạm Thị D2 gồm: Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Thành T, ông Bùi T, bà Bùi Thị H2, bà Bùi Thị T2, ông Bùi N (con Bùi Văn L2),

05 người con bà Bùi Thị L1: (Bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3).

3. Di sản của cụ ông Bùi C2 và cụ bà Phạm Thị D2 được chia theo pháp luật:

Chia Lô đất có diện tích 1.101,6m², trong đó có 1.000m² đất ở và 101,6m² đất trồng cây, thành 08 phần (lô). Trong đó: 01 lô làm nhà thờ ba mẹ; 07 lô cho hàng thừa kế thứ nhất, các lô đất có ký hiệu từ I đến VIII, cụ thể:

3.1. Phần di sản chia cho hàng thừa kế thứ nhất:

Lô I, có diện tích 113,6 m² loại đất ở chia cho ông Bùi Xuân H.

Lô III, có diện tích 100,2 m² loại đất ở chia cho ông Bùi N (con ông L2).

Lô IV, có diện tích 100,2 m² loại đất ở chia cho ông Bùi Thành T1

Lô V, có diện tích 110,2 m² loại đất ở chia cho ông Bùi T

Lô VI, có diện tích 110,2 m² loại đất ở chia cho bà Bùi Thị T2

Lô VII, có diện tích 110,3 m² loại đất ở chia cho bà Bùi Thị H2.

Lô VIII, có diện tích 147,9 m² loại đất ở chia cho bà Bùi Thị L1 (05 người con của bà L1 nhận: Bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3).

3.2. Phần di sản làm nơi thờ cúng.

Giao Lô đất có ký hiệu II, có diện tích 309m² (đất ở 207,4m²; đất CLN 101,6m²) cho các ông bà: Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Thành T1, ông Bùi T, bà Bùi Thị H2, bà Bùi Thị T2, ông Bùi N (con Bùi Văn L2), 05 người con bà Bùi Thị L1: (Bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3) đồng đứng tên để cùng quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng Ông bà, Cha mẹ. (có sơ đồ kèm theo bản án).

II. Người được nhận quyền sử dụng đất được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng và sở hữu nhà ở đối với diện tích mình được nhận và chịu thuế phí theo quy định (nếu có).

III. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của ông Bùi T đối với ông Bùi Thành T1, ông Bùi Xuân H.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm:

1. Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Thành T1, ông Bùi T, bà Bùi Thị H2, bà Bùi Thị T2, ông Bùi N, bà Phạm Thị É, được miễn tiền án phí DSST.

2. Buộc bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3 mỗi người chịu số tiền 22.764.144 đồng.

V. Về tiền chi phí tố tụng: Tổng cộng 60.000.000 đồng.

Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Thành T1, bà Bùi Thị H2, bà Bùi Thị T2, ông Bùi N (con Bùi Văn L2), mỗi người hoàn lại cho ông Bùi T số tiền 8.571.000đ, 05 người con

bà Bùi Thị L1: Bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1, ông Phạm Tấn T3 hoàn lại cho ông Bùi T số tiền 8.571.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn là ông Bùi Xuân H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Xuân H đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định di sản của cụ Phạm Thị D2 để lại là $\frac{1}{2}$ và di sản của cụ Bùi C2 là $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.101,6m² tại số 12 đường Đ, tổ 5 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 242038, được UBND huyện H cấp ngày 06/12/1996 đứng tên hộ cụ Phạm Thị D2. Di sản của cụ Phạm Thị D2 để lại chia theo di chúc và di sản của cụ Bùi C2 để lại chia theo pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Xuân H thay đổi nội dung kháng cáo và đề nghị huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Xuân H phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân H và huỷ bản án dân sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi T phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân H và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Xuân H về nội dung ông Bùi Xuân H đề nghị những kỷ phần khác phải trả lại cho ông H số tiền ông H đã bỏ ra để xây dựng nhà thờ và Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng theo hướng buộc mỗi kỷ phần thừa kế theo pháp luật phải trả cho ông Bùi Xuân H số tiền xây dựng nhà thờ là 26.358.591 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập họp lệ lần thứ hai ông Bùi Thành T1, bà Bùi Thị H2, bà Bùi Thị T2, bà Phạm Thị C1, bà Nguyễn Thị N1 bà Phạm Thị É, bà Phạm Thị A1, ông Phạm Tấn Tr, ông Phạm Tấn D1 và ông Phạm Tấn T3 đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng các đương sự trên vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Xuân H thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng với lý do vi phạm thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng. Xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo của Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Xuân H là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng để giải quyết toàn diện vụ án HĐXX chấp nhận thay đổi kháng cáo của Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Xuân H.

Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi Xuân H đề nghị HĐXX huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng thì thấy:

[3] Về thành phần những người tham gia tố tụng: Ông Bùi T cho rằng Bản Di chúc do cụ Phạm Thị T3 (D2) lập và có xác nhận của UBND phường H ngày 09/02/2001 do không có người làm chứng nên không phát sinh hiệu lực nên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, còn ông Bùi Xuân H yêu cầu Công nhận bản Di chúc ngày 09/02/2001 và chia thừa kế theo di chúc nhưng không có Đơn yêu cầu phản tố và Toà án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thủ tục thụ lý phản tố nhưng lại nhận định bản Di chúc không có hiệu lực, tuy nhiên không đưa UBND phường H vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ông Bùi T cho rằng cụ D2 không biết chữ nên di chúc không có người làm chứng là không phát sinh hiệu lực nhưng trong hồ sơ chưa thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện cụ D2 không biết chữ mà chỉ dựa trên lời trình bày của đương sự, trong khi có đương sự cho rằng cụ D2 biết chữ như Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Nhơn đã có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 20/7/1997 giữa cụ Phạm Thị D2 và ông Bùi N đối với diện tích 100m² nhưng ngày 05/7/2022 ông N đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị ngày 09/9/2022 và Đơn trình bày gửi Tòa án ngày 28/9/2022 ông Bùi N yêu cầu công nhận diện tích đất 100m² theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 20/7/1997.

Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm Người đại diện theo uỷ quyền của ông N cho rằng chỉ trong trường hợp ông N được chia thừa kế 01 lô đất như bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên thì ông N mới không yêu cầu xem xét đối với diện tích đất 100m² mà ông N đã nhận chuyển nhượng của cụ D2 theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 20/7/1997, như vậy ông N rút yêu cầu độc lập có điều kiện chứ không hoàn toàn tự nguyện nên lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm cần giải thích hậu quả của việc rút yêu cầu độc lập và tiến hành thụ lý yêu cầu độc lập để giải quyết triệt để vụ án.

[5] Ông Bùi Xuân H trình bày đã nhận chuyển nhượng thửa đất mà ông N được chia thừa kế theo bản Di chúc ngày 09/02/2001 theo Giấy chuyển nhượng ngày 11/02/2001 và đề nghị Toà án công nhận thửa đất trên cho mình. Như vậy, ông H có yêu cầu độc lập với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N nhưng Toà án cấp sơ thẩm không giải thích cho đương sự làm đơn yêu cầu độc lập và tiến hành thụ lý yêu cầu độc lập của ông H là vi phạm thủ tục tố tụng.

*** Về nội dung:**

[6] Do chưa tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nêu trên nên chưa đủ cơ sở để xem xét về mặt nội dung vụ án như: xác định di sản thừa kế của cụ C2 và cụ D2 để lại; chia thừa kế theo Di chúc hay chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của cụ C2 và cụ D2 là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 1.101,6m² tại số 12 đường Đ, tổ 5 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 242038, được UBND huyện H cấp ngày 06/12/1996 đứng tên hộ cụ Phạm Thị D2 và chia thừa kế theo pháp luật là chưa có cơ sở vững chắc.

[7] Toà án cấp sơ thẩm chia thừa kế di sản theo pháp luật cho các kỹ phần không bằng nhau nhưng không buộc trích trả chênh lệch về tài sản cho nhau cũng không nhận định lý do là chưa thuyết phục. Ngoài ra, ông H còn yêu cầu các kỹ phần khác phải trả lại số tiền mà ông H bỏ ra để xây dựng nhà thờ và xem xét công sức trong việc gìn giữ, bảo quản di sản nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết là chưa giải quyết toàn diện yêu cầu của đương sự.

[8] Từ những phân tích như trên, HĐXX xét thấy Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng cả về thủ tục tố tụng cũng như nội dung, những vi phạm nêu

trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân H và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân H.

Xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế*” giữa ông Bùi T và ông Bùi Xuân H, ông Bùi Thành T1. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Xuân H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng